

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN GÒ VẤP **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5476/QĐ-UBND

Gò Vấp, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Chủ trương sửa chữa trường lớp, mua sắm trang thiết bị dạy học
chuẩn bị cho năm học 2024 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội,



tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về Hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động;

Căn cứ Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành danh mục mua sắm tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Căn cứ Công văn số 4632/UBND-KT ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026;

Căn cứ Công văn số 6082/UBND-KT ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về nguyên tắc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Thực hiện Kế hoạch số 3549/KH-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về khảo sát sửa chữa trường lớp, mua sắm trang thiết bị dạy học chuẩn bị cho năm học mới 2024 - 2025;

Theo Công văn đề nghị của các trường về việc sửa chữa trường lớp và mua sắm trang thiết bị; đề xuất của Phòng Giáo dục và đào tạo tại Công văn số 1213/GDDT ngày 25 tháng 10 năm 2023 và Phòng Quản lý đô thị tại Công văn số 1078/QLĐT ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc bổ sung dự toán sửa chữa trường lớp chuẩn bị cho năm học 2024 - 2025;

Căn cứ Thông báo số 793/TB-VP ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về thông báo kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - Nguyễn Trí Dũng tại phiên họp Giao ban Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND quận ngày 11 tháng 12 năm 2023;

Căn cứ Thông báo kết luận số 1530-TB/QU ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ban Thường vụ Quận ủy về việc mua sắm, sửa chữa các công trình trên địa bàn quận Gò Vấp bằng nguồn dự toán ngân sách quận năm 2024;

Xét Công văn đề nghị của các trường về việc sửa chữa trường lớp, mua sắm trang thiết bị dạy học chuẩn bị cho năm học 2024 - 2025 và đề xuất của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 1460/TTr-TCKH ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc sửa chữa trường lớp, mua sắm trang thiết bị dạy học chuẩn bị cho năm học 2024 - 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương và giao dự toán năm 2024 cho Phòng Giáo dục và Đào tạo và các trường với tổng kinh phí **26.924.685.000 đồng**, đã bao gồm khoảng 23.000.000 đồng chi phí thuê tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu (*Đính kèm Phụ lục 3*).

Đối với nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: **2.891.000.000 đồng**, chấp thuận chủ trương, giao cho các đơn vị triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

1. Sửa chữa trường, lớp:

Giao các trường làm chủ đầu tư thực hiện việc sửa chữa trường lớp trong dịp hè chuẩn bị cho năm học 2024 - 2025 với tổng kinh phí bố trí thực hiện cho 28 trường: 19.259.000.000 đồng (*Đính kèm Phụ lục 1*). Trong đó,

Nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2024 là 18.096.000.000 đồng.

Nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn thu hợp pháp của đơn vị là 1.163.000.000 đồng).

Kinh phí ước tính nêu trên bao gồm chi phí xây dựng sau thuế, các chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác cần thiết để thực hiện theo quy định về đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

2. Mua sắm trang thiết bị dạy học:

Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo làm chủ đầu tư thực hiện đấu thầu mua sắm các trang thiết bị, dụng cụ dạy học (*đính kèm Phụ lục 2*).

Tổng kinh phí: 7.665.685.000 đồng.

Trong đó:

Nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn thu hợp pháp của đơn vị: 1.728.000.000 đồng.

Kinh phí chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2024: 5.937.685.000 đồng (trong đó chi phí thuê tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu là 23.000.000 đồng).

Điều 2.

Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân quận giao dự toán năm 2024, theo dõi, kiểm tra tiến độ triển khai thực hiện, hướng dẫn việc hạch toán, quyết toán theo quy định.

Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường được giao làm chủ đầu tư có trách nhiệm nhanh chóng triển khai thực hiện công tác sửa chữa trường lớp, mua sắm trang thiết bị theo đúng quy định của Luật Đấu thầu và các Nghị định, thông tư hướng dẫn về đấu thầu, lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ; Thông tư số

58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính; Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính và Công văn số 1299/UBND-TCKH ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về triển khai thực hiện Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính và tuân thủ đúng các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng;

Trong quá trình đầu tư, mua sắm trang thiết bị dạy học cần đảm bảo bổ sung đủ số lượng, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí, chú trọng công tác kiểm định, nghiệm thu sản phẩm.

Phòng Giáo dục và Đào tạo và các trường được giao làm chủ đầu tư nhanh chóng lập, hoàn tất hồ sơ mua sắm trang thiết bị, sửa chữa trường lớp theo quy định hiện hành **trước ngày 30 tháng 3 năm 2024**; Hoàn tất hồ sơ Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch **trước ngày 10 tháng 4 năm 2023**. Tổ chức triển khai thực hiện mua sắm trang thiết bị, sửa chữa trường lớp ngay khi năm học 2023 - 2024 vừa kết thúc, đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ thực hiện phải hoàn thành **trước ngày 15 tháng 8 năm 2024** để chuẩn bị cho năm học mới 2024 - 2025.

Giao các phòng liên quan thuộc quận theo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị thẩm định, trình phê duyệt hồ sơ dự toán, hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đúng thời gian theo quy định hiện hành, có trách nhiệm hướng dẫn và hỗ trợ các chủ đầu tư thực hiện tốt chỉ tiêu dự toán được giao. Mọi sự chậm trễ hoặc thiếu trách nhiệm trong quá trình thực hiện, Thủ trưởng các đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Quản lý đô thị, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Gò Vấp, Hiệu trưởng các trường được giao làm chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *T.Huu*

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Thường trực Quận ủy (để báo cáo);
- Các đồng chí PCT UBND quận (để biết);
- Lưu: VT, TCKH.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Trí Dũng

DANH MỤC SỬA CHỮA TRƯỜNG LỚP CHUẨN BỊ NĂM HỌC 2024 - 2025

(Đính kèm Quyết định số 5476/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Phụ lục 1

STT	ĐƠN VỊ	NỘI DUNG SỬA CHỮA	Kinh phí chi thường xuyên của sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2024 (đồng)	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn thu của đơn vị (đồng)	GHI CHÚ
KHOI MÀM NON			8.668.000.000		
1	Hoa Quỳnh	Cơ sở 1: - Chống thấm tường phòng hành chính, sơn nước hoàn thiện Cơ sở 2: - Chống thấm tường rào phía bên trái công trình, sơn nước hoàn thiện.	215.000.000		
2	Nhật Quỳnh	- Chống thấm sê nô mái, sơn nước hoàn thiện. - Chống thấm phần mái che cầu thang, sơn nước hoàn thiện.	253.000.000		
3	Họa Mi	Cơ sở 1: 60/19 Huỳnh Khương An, P5 - Xử lý chống thấm chân tường hành lang tầng trệt; sơn nước hoàn thiện (chiều cao 1m). - Thay mới ổ khóa cửa các lớp học bị hư hỏng.	90.000.000		
4	Vàng Anh	- Sửa chữa nhà vệ sinh lớp Chồi 2 (thăm xuống Phòng Y tế): chống thấm, thay gạch nền, thay thiết bị vệ sinh, sơn nước hoàn thiện; thay tấm trần thạch cao Phòng Y tế. - Thay thiết bị vệ sinh bị hư hỏng: lớp Sóc Nâu, Chồi 1. - Thay mới 02 cổng rào bị mục bằng cửa lùa; sơn nước, sơn dầu tường rào, song sắt đã xuống cấp cho đồng bộ.	435.000.000		
5	Hoa Lan	- Thay mới cổng rào bị mục bằng cửa lùa; sơn nước, sơn dầu tường rào, song sắt đã xuống cấp cho đồng bộ.	235.000.000		
6	Hồng Nhung	- Thay gạch nền bị bể, phồng dộp trong các lớp Mầm 2, 5; Chồi 1, 4.	210.000.000		
7	Sơn Ca	- Sửa chữa nhà vệ sinh lớp Mầm 3; Chồi 1, 2; Lá 1, 2 (lầu 1): chống thấm, sửa chữa hệ thống cấp, thoát nước, thay thiết bị vệ sinh, thay trần thạch cao, sơn nước hoàn thiện... - Gia cố nền bị sụt lún; chống thấm; thay gạch nền hiện sau các lớp học, sơn nước hoàn thiện (Tầng trệt: lớp Vàng Anh, Họa Mi, Mầm 1, 2; Lá 3; Lầu 1: lớp Mầm 3; Chồi 1, 2; Lá 1, 2). - Cạo lớp sơn cũ, bả mastic, sơn nước chống thấm tường rào; gia cố, sửa chữa cấu kiện sắt bị mục, sơn dầu cấu kiện sắt bị mục, rỉ sét.	1.400.000.000		
8	Sóc Nâu	- Sửa chữa nhà vệ sinh lớp Mầm 3: chống thấm, thay gạch, thiết bị vệ sinh, sơn nước hoàn thiện... - Lợp mái tôn chống thấm sân thượng, sê nô mái; lắp đặt máng xối thoát nước, sơn hoàn thiện phần trần bị thấm.	1.350.000.000		
9	Hoa Phượng Đỏ	- Thay trần thạch cao lớp Lá 1, 2, 3, P. Thể chất, P. Hiệu phó; khu vực hành lang lầu 2. - Thay mới sàn gỗ lớp Vành khuyên, Sóc nâu (sàn gỗ bị mục).	380.000.000		
10	Sen Hồng	- Xử lý vết nứt tường trong nhà, sơn nước dặm vá (P. Hiệu trưởng). - Sửa chữa nhà vệ sinh giáo viên (tầng trệt): thay mới thiết bị vệ sinh; ốp, lát lại gạch ốp tường, gạch nền; Ốp, lát gạch phần hành lang khu vực nhà vệ sinh cho đồng bộ.	205.000.000		
		Cơ sở 2:			

11	Hương Dương	- Nâng nền sân và khu vệ sinh phía sau 02 lớp học (nền sân thấp so với mặt đường, bị ngập): nâng nền, đi lại hệ thống cấp, thoát nước, lát gạch nền hoàn thiện, nâng công rào. - Xử lý vết nứt tường, sơn nước hoàn thiện.	480.000.000		
12	An Nhơn	- Sửa chữa nhà vệ sinh lớp học tầng trệt và lầu 1: Chống thấm, tháo dỡ máng rửa tay bằng BTCT, lắp đặt các vách ngăn, lavabo; thay các thiết bị vệ sinh bị hư hỏng, sơn nước hoàn thiện. - Xử lý vết nứt, chống thấm tường phòng Phó Hiệu trưởng, sơn nước hoàn thiện. - Lợp mái tôn chống thấm sân thượng, sê nô mái, lắp đặt máng xối thoát nước, sơn hoàn thiện phần trần bị thấm..	1.750.000.000		
13	Tường Vi	- Thay xà gỗ, mái tôn; thay trần thạch cao bên trong các lớp học Khối A. - Xử lý máng xối thoát nước mái; thay các tấm trần bị thấm Khối B. - Xử lý các vách tường bị thấm, sơn nước hoàn thiện (Khối A, B). - Xử lý khe lún bị chảy nước, thấm. - Sửa chữa các cửa đi sắt kính bị vỡ. - Chống thấm các ô văng phía sau khối A, sơn nước hoàn thiện. - Thay mới 02 cửa sổ lá sách tại nhà kho.	680.000.000		
14	Hương Sen	- Thay mới hệ thống điện: thay mới dây dẫn, CB, công tắc, thiết bị điện...	985.000.000		
KHỐI TIỂU HỌC			7.385.000.000		
1	Phan Chu Trinh	Cơ sở 1: - Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh (lầu 1, 2): chống thấm, cải tạo hệ thống cấp, thoát nước; thay gạch nền, gạch ốp tường; thay thiết bị vệ sinh, thiết bị điện; thay cửa; thay trần thạch cao; sơn nước hoàn thiện... - Thay mới cửa sắt kéo khu vực các cầu thang.	700.000.000		
2	Trần Quang Khải	Cơ sở 1: - Sửa chữa, cải tạo hệ thống điện. - Sửa chữa nhà vệ sinh giáo viên lầu 1 (lầu 1 thấm xuống tầng trệt): chống thấm, thay thiết bị vệ sinh; sơn nước hoàn thiện (sơn nhà vệ sinh lầu 1 và tầng trệt). Cơ sở 2: - Sửa chữa nhà vệ sinh lầu 1.	1.030.000.000		
3	Phạm Ngũ Lão	- Sửa chữa nền sân phía sau phòng làm việc và nhà xe: lắp đặt hệ thống thoát nước hồ ga, đổ bê tông nền sân, lát gạch terrazo). - Nâng lan can sắt hành lang, cầu thang (cao 30cm).	510.000.000		
4	Nguyễn Thượng Hiền	- Thay toàn bộ cửa sổ bằng gỗ bị mục có nguy cơ rơi xuống phía sau các lớp khu A, B, C, D	1.755.000.000		
5	Lương Thế Vinh	- Cạo sùi lớp sơn cũ, bả mastic, sơn nước chống thấm mặt tiền tường.	455.000.000		
6	Hanh Thông	- Sửa chữa nhà vệ sinh giáo viên (lầu 1, lầu 2): chống thấm, sửa chữa hệ thống cấp, thoát nước; thay thiết bị vệ sinh, thiết bị điện; thay gạch nền, ốp tường; thay cửa chớp lấy sáng; sơn nước hoàn thiện. - Chống thấm sê nô mái, sơn nước hoàn thiện. - Chống thấm, xử lý vết nứt tường khu vực cầu thang, sơn nước hoàn thiện.	625.000.000		
7	Lam Sơn	- Sơn dầu (chống sét) các cấu kiện sắt, sơn PU tay vịn cầu thang toàn trường. - Sơn nước chống thấm tường rào, sơn dầu chống sét cổng, hàng rào song sắt (toàn bộ cổng, tường rào).	610.000.000		
		Cơ sở 1 (5/88K, Lê Đức Thọ, P15): - Thay máng xối sân thượng. - Thay các cửa sắt kính lấy sáng khu vực cầu thang bị mục bằng cửa hoặc vách nhôm kính.			

8	GDCB Hy Vọng	- Sửa chữa các cửa sổ sắt kính (cửa lùa) bị mục, sơn dầu hoàn thiện. - Sửa chữa nền gạch hành lang, nhà ăn, bếp tầng trệt bị sụt lún (tận dụng lại gạch bông cũ). - Sửa chữa mương thoát nước. Cơ sở 2 (93, Nguyễn Oanh, P17): - Thay các cửa sổ gỗ bị mục bằng cửa nhôm kính. - Thay các cửa lấy sáng sắt kính (bị mục, bể kính) nhà vệ sinh bằng cửa nhôm kính cường lực. - Sửa chữa hệ thống thoát nước, cải tạo nền sân. - Sửa chữa nhà bảo vệ, nhà kho. - Sửa chữa cổng sắt ra vào, sơn dầu hoàn thiện.	850.000.000		
9	Võ Thị Sáu	- Đổ bê tông một phần nền sân (giữa khối A, B, C). - Sửa chữa hệ thống PCCC theo biên bản kiểm tra PCCC (sau lưng khối C).	850.000.000		
KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ			3.206.000.000		
			2.043.000.000	1.163.000.000	
1	TT GDNN-GDTX	Cơ sở 453 Lê Đức Thọ - Phòng học số 17: chống dột mái tôn, xử lý vết nứt, thấm; sơn nước hoàn thiện. - Phòng Giám đốc: sửa chữa, gia cố cửa sắt ra vào, sơn dầu hoàn thiện; thay cửa nhôm nhà vệ sinh.	70.000.000		
2	Phạm Văn Chiêu	- Sửa chữa Phòng Thư viện và Phòng đọc của giáo viên thành phòng Thư viện lớn để đạt tiêu chuẩn: tháo dỡ vách ngăn, sơn nước hoàn thiện. Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh dãy B: + Lầu 1, 2: Thay thiết bị vệ sinh, thay thiết bị điện, thay cửa, vệ sinh chà ron lại gạch ốp tường và gạch nền; sơn nước hoàn thiện. + Tầng trệt: thay gạch nền, gạch ốp tường, thay cửa, thay thiết bị vệ sinh, thay thiết bị điện; sơn nước hoàn thiện.		1.163.000.000	
3	Trường Sơn	Gia cố, sửa chữa lan can, tay vịn hành lang, cầu thang bị sét, mục; sơn dầu hoàn thiện.	80.000.000		
4	Nguyễn Văn Nghi	- Xử lý các lam bê tông khu vực hành lang bị nứt; sơn nước hoàn thiện. - Sửa chữa nhà vệ sinh nam (lầu 3) bị nghẹt nước. - Thay dặm và gạch nền hành lang và trong các lớp học bị bể (lầu 3 khoảng 200m2).	468.000.000		
5	Phan Tây Hồ	- Nhà vệ sinh khu A, B: thay thiết bị vệ sinh, thay cửa; vệ sinh, chà ron lại gạch nền, gạch ốp tường; sơn nước hoàn thiện. - Thay mái tôn, thay trần thạch cao khu D và khu E. Chống thấm sê nô mái khu D và Khu E, sơn nước hoàn thiện.	1.425.000.000		
TỔNG			18.096.000.000	1.163.000.000	
			19.259.000.000		



DANH MỤC MUA SẮM TÀI SẢN CHUẨN BỊ CHO NĂM HỌC 2024-2025

(Đính kèm Quyết định số 5476/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Phụ lục 2

STT	Tên đơn vị/Nội dung mua sắm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Nguồn kinh phí mua sắm		
					Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp & nguồn thu của đơn vị	Kinh phí chi thường xuyên sự nghiệp Giáo dục & Đào tạo	Tổng cộng
Tổng (A + B)					1.728.000.000	5.937.685.000	7.665.685.000
A. CHI PHÍ MUA SẮM THIẾT BỊ					1.728.000.000	5.914.685.000	7.642.685.000
I. KHỎI MÀM NON							
1	Trường Mầm non Thủy Tiên				-	136.600.000	
	Tủ giỏ dép (lớp Thỏ Ngọc, Mầm, Chồi, Lá) - Gỗ ghép 18mm (10 hộp) - KT: 1800x300x900mm)	Cái	20	6.830.000	-	136.600.000	
2	Trường Mầm non Hoa Quỳnh				-	80.500.000	
	Máy vi tính để bàn	Bộ	2	15.000.000		30.000.000	
	Bàn họp (phòng họp) - Mặt gỗ, chân sắt (02 chỗ ngồi) - KT: (D1200 x R400 x C750)mm	Cái	10	1.650.000		16.500.000	
	Ghế ngồi (phòng họp)	Cái	20	650.000		13.000.000	
	Bàn làm việc - Gỗ cao su ghép - KT: (1200 x 600 x 780)mm	Cái	6	3.500.000		21.000.000	
3	Trường Mầm non Vàng Anh				-	108.350.000	
	Xe đạp chân Tricycle (Xe đạp 3 bánh cho trẻ em) - Chất liệu: khung sắt tròn phi 27mm, dây 2mm - Bánh xe cao su đặc	Cái	2	2.600.000		5.200.000	
	Xe đạp chân Tricycle (Xe đạp 3 bánh cho trẻ em) - Chất liệu: khung sắt tròn phi 27mm, dây 2mm - Bánh xe cao su đặc	Cái	3	3.300.000		9.900.000	
	Bàn vi tính lớp học (Gỗ ghép, KT: D900 x R480 x C765 mm)	Cái	15	2.750.000		41.250.000	
	Kệ giỏ dép (Gỗ, KT: 220x35x100cm, 24 hộp)	Cái	8	6.500.000		52.000.000	
4	Trường Mầm non Sơn Ca					125.625.000	
	Bàn ghế nhựa cho trẻ (loại bàn đôi + 2 ghế) - Bàn (Nhựa PP, KT: 90x48x46cm) - Ghế (Nhựa PP, cao 26cm)	Bộ	75	475.000		35.625.000	
	Đồ chơi liên hoàn ngoài trời (Nhựa PP, KT: 380x380x113cm)	Bộ	1	90.000.000		90.000.000	
5	Trường Mầm non Quỳnh Hương				-	140.500.000	

STT	Tên đơn vị/Nội dung mua sắm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Nguồn kinh phí mua sắm		
					Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp & nguồn thu của đơn vị	Kinh phí chi thường xuyên sự nghiệp Giáo dục & Đào tạo	Tổng cộng
	Bàn ghế nhựa cho trẻ (loại bàn đôi + 2 ghế)	Cái	70	850.000		59.500.000	
	Kết sắt	Cái	1	6.000.000		6.000.000	
	Máy vi tính để bàn (lớp học)	Bộ	5	15.000.000		75.000.000	
6	Trường Mầm non Sen Hồng					59.000.000	
	Tủ chiếu gối (Gỗ cao su, 2 cửa, KT: 1,6x1,25m)	Cái	3	5.500.000		16.500.000	
	Tủ hồ sơ (Sắt, 3 cửa, KT: 1,5x1,7m)	Cái	2	5.000.000		10.000.000	
	Tủ giỏ dép (Gỗ cao su, 20 hộc)	Cái	5	6.500.000		32.500.000	
7	Trường Mầm non Hương Sen					51.000.000	
	Bàn ghế nhựa cho trẻ (loại bàn đôi + 2 ghế) - Bàn (Nhựa PP, KT: 90x48x50cm) - Ghế (Nhựa PP, cao 28cm)	Bộ	60	850.000		51.000.000	
8	Trường Mầm non Hạnh Thông Tây					426.000.000	
	Smart Tivi 55 inch	Cái	7	18.000.000		126.000.000	
	Máy vi tính để bàn	Bộ	20	15.000.000		300.000.000	
9	Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ					177.310.000	
	Bàn ghế nhựa cho trẻ (loại bàn đôi + 2 ghế) - Bàn (Nhựa PP, KT: 90x48x46cm) - Ghế (Nhựa PP, KT: 51x35x26cm)	Bộ	65	794.000		51.610.000	
	Máy vi tính để bàn	Bộ	5	14.000.000		70.000.000	
	Đồ chơi liên hoàn ngoài trời (Nhựa PP, KT: 820x110x100cm)	Bộ	1	55.700.000		55.700.000	

II. KHỐI TIỂU HỌC

10	Trường Tiểu học Kim Đồng				235.500.000	225.000.000	460.500.000
	Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi (bàn đôi, ghế đôi) - Bàn khung sắt, mặt gỗ, Kích thước: (1200x400x780)mm - Ghế khung sắt, mặt gỗ, Kích thước: (1200x300x470)mm	Bộ	50	1.710.000	85.500.000		
	Máy vi tính để bàn (Phòng máy tính)	Bộ	25	15.000.000	150.000.000	225.000.000	
11	Trường Tiểu học Chi Lăng					85.000.000	85.000.000
	Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi (bàn đôi, ghế đôi) - Bàn khung sắt, mặt gỗ, Kích thước: (1200x400x780)mm - Ghế khung sắt, mặt gỗ, Kích thước: (1200x300x470)mm	Bộ	50	1.700.000		85.000.000	
12	Trường Tiểu học An Hội				290.000.000	232.500.000	522.500.000

STT	Tên đơn vị/Nội dung mua sắm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Nguồn kinh phí mua sắm		
					Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp & nguồn thu của đơn vị	Kinh phí chi thường xuyên sự nghiệp Giáo dục & Đào tạo	Tổng cộng
	Máy vi tính để bàn (Giáo viên)	Bộ	1	15.000.000	-	15.000.000	
	Máy vi tính để bàn (Phòng vi tính)	Bộ	35	14.500.000	290.000.000	217.500.000	
13	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn				-	474.200.000	474.200.000
	Máy vi tính để bàn (Phòng vi tính)	Bộ	20	15.000.000		300.000.000	
	Bàn ghế học sinh 2 chỗ ngồi	Cái	50	1.800.000		90.000.000	
	Tủ sách thư viện (Gỗ, cửa kính lùa, KT: 2,6x0,4x3,5m)	Cái	2	20.500.000		41.000.000	
	Tủ sách thư viện (Gỗ, cửa kính lùa, KT: 1,3x0,4x2,4m)	Cái	4	10.800.000		43.200.000	
14	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ				175.000.000	300.000.000	475.000.000
	Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi (bàn đôi, ghế đôi)	Bộ	100	1.750.000	175.000.000		
	Máy vi tính để bàn (Phòng vi tính)	Bộ	20	15.000.000		300.000.000	
15	Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai				-	150.000.000	150.000.000
	Máy vi tính để bàn (phòng vi tính)	Bộ	10	15.000.000		150.000.000	
16	Trường Tiểu học Hanh Thông				-	165.000.000	165.000.000
	Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi (bàn đôi, ghế đôi)	Bộ	100	1.650.000		165.000.000	
17	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn				242.000.000	180.000.000	422.000.000
	Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi (bàn đôi, ghế đôi)	Bộ	100	1.800.000		180.000.000	
	Tủ đựng hồ sơ giáo viên và đồ dùng học sinh (Gỗ, KT: 1120x300x2000mm)	Cái	20	12.100.000	242.000.000		
18	Trường Tiểu học Trần Quang Khải				-	82.500.000	82.500.000
	Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi (bàn đôi, ghế đôi)	Bộ	50	1.650.000		82.500.000	
19	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão					225.000.000	225.000.000
	Máy vi tính để bàn (phòng vi tính)	Bộ	15	15.000.000		225.000.000	
20	Trường Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền				-	257.500.000	257.500.000
	Máy vi tính để bàn (phòng vi tính)	Bộ	13	15.000.000		195.000.000	
	Bàn ghế để máy tính 02 chỗ ngồi (bàn đôi, 02 ghế đơn)	Bộ	25	2.500.000		62.500.000	
21	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu				-	388.000.000	388.000.000

STT	Tên đơn vị/Nội dung mua sắm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Nguồn kinh phí mua sắm		
					Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp & nguồn thu của đơn vị	Kinh phí chi thường xuyên sự nghiệp Giáo dục & Đào tạo	Tổng cộng
	Máy vi tính để bàn (phòng vi tính)	Bộ	20	15.000.000		300.000.000	
	Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi (bàn đôi, ghế đôi)	Bộ	50	1.760.000		88.000.000	
22	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm				-	111.000.000	111.000.000
	Tủ đựng hồ sơ giáo viên (phòng học và phòng chức năng) (Gỗ, KT: 18330x1350x450mm)	Cái	30	3.700.000		111.000.000	
23	Trường Giáo dục Chuyên biệt Hy vọng				-	60.000.000	60.000.000
	Máy photocopy	Cái	1	60.000.000		60.000.000	

III. KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ

24	Trường THCS Quang Trung				271.500.000	315.000.000	586.500.000
	Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi (bàn đôi, ghế đôi)	Bộ	150	1.810.000	271.500.000		
	Máy vi tính để bàn (phòng vi tính)	Bộ	21	15.000.000		315.000.000	
25	Trường THCS Trương Sơn				9.000.000	178.600.000	187.600.000
	Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi (bàn đôi, ghế đôi)	Bộ	50	1.700.000		85.000.000	
	Bàn ghế phòng chức năng (phòng họp giáo viên)	Bộ	24	3.900.000		93.600.000	
	Bục đứng sân khấu	Bộ	2	4.500.000	9.000.000		
26	Trường THCS Thông Tây Hội				200.000.000	280.000.000	480.000.000
	Máy vi tính để bàn (phòng vi tính)	Bộ	26	15.000.000	200.000.000	190.000.000	
	Bàn, tủ phòng thực hành (Lý, Hóa, Sinh)	Phòng	0	201.400.000		-	
	Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi (bàn đôi, ghế đôi)	Bộ	50	1.800.000		90.000.000	
27	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi				-	94.500.000	94.500.000
	Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi (bàn đôi, ghế đôi)	Bộ	50	1.890.000		94.500.000	
28	Trường THCS Nguyễn Văn Nghi				-	170.000.000	170.000.000
	Bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi (bàn đôi, ghế đôi)	Bộ	50	1.700.000		170.000.000	
29	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ				200.000.000	295.000.000	495.000.000
	Máy vi tính để bàn (phòng vi tính)	Bộ	33	15.000.000	200.000.000	295.000.000	
	Trường THCS Gò Vấp				105.000.000	341.000.000	446.000.000

STT	Tên đơn vị/Nội dung mua sắm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Nguồn kinh phí mua sắm		
					Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp & nguồn thu của đơn vị	Kinh phí chi thường xuyên sự nghiệp Giáo dục & Đào tạo	Tổng cộng
	Máy vi tính để bàn (phòng vi tính)	Bộ	20	14.800.000		296.000.000	
	Máy vi tính để bàn (giáo viên)	Bộ	3	15.000.000		45.000.000	
	Bàn để máy vi tính học sinh (Gỗ, KT: 1200x600x750mm)	Cái	50	2.100.000	105.000.000		

B. CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU THẦU

31	Phòng Giáo dục & Đào tạo					23.000.000	23.000.000
	Chi phí thuê tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu					15.285.370	
	Chi phí thuê tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu					7.642.685	



DANH MỤC TỔNG HỢP KINH PHÍ MUA SẮM, SỬA CHỮA CHO PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VÀ CÁC TRƯỜNG NĂM 2024

(Đính kèm Quyết định số 5476/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Phụ lục 3

STT	ĐƠN VỊ	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn thu của đơn vị (đồng)	Kinh phí chi thường xuyên của sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2024 (đồng)	TỔNG (đồng)
TỔNG		2.891.000.000	24.033.685.000	26.924.685.000
I	SỬA CHỮA	1.163.000.000	18.096.000.000	19.259.000.000
KHỐI MẦM NON				
1	Hoa Quỳnh		215.000.000	
2	Nhật Quỳnh		253.000.000	
3	Họa Mi		90.000.000	
4	Vàng Anh		435.000.000	
5	Hoa Lan		235.000.000	
6	Hồng Nhung		210.000.000	
7	Sơn Ca		1.400.000.000	
8	Sóc Nâu		1.350.000.000	
9	Hoa Phượng Đỏ		380.000.000	
10	Sen Hồng		205.000.000	
11	Hướng Dương		480.000.000	
12	An Nhơn		1.750.000.000	
13	Tường Vi		680.000.000	
14	Hương Sen		985.000.000	
KHỐI TIỂU HỌC				
1	Phan Chu Trinh		700.000.000	
2	Trần Quang Khải		1.030.000.000	
3	Phạm Ngũ Lão		510.000.000	
4	Nguyễn Thượng Hiền		1.755.000.000	
5	Lương Thế Vinh		455.000.000	
6	Hạnh Thông		625.000.000	
7	Lam Sơn		610.000.000	
8	GDCB Hy Vọng		850.000.000	
9	Võ Thị Sáu		850.000.000	
KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ				
1	TT GDNN-GDTH		70.000.000	
2	Phạm Văn Chiêu	1.163.000.000		
3	Trường Sơn		80.000.000	

4	Nguyễn Văn Nghi		468.000.000	
5	Phan Tây Hồ		1.425.000.000	
II	MUA SẮM	1.728.000.000	5.937.685.000	7.665.685.000
KHỐI MẦM NON				
1	Thủy Tiên		136.600.000	
2	Hoa Quỳnh		80.500.000	
3	Vàng Anh		108.350.000	
4	Sơn Ca		125.625.000	
5	Quỳnh Hương		140.500.000	
6	Sen Hồng		59.000.000	
7	Hương Sen		51.000.000	
8	Hạnh Thông Tây		426.000.000	
9	Hoa Phượng Đỏ		177.310.000	
KHỐI TIỂU HỌC				
1	Kim Đồng	235.500.000	225.000.000	
2	Chi Lăng		85.000.000	
3	An Hội	290.000.000	232.500.000	
4	Lê Quý Đôn		474.200.000	
5	Hoàng Văn Thụ	175.000.000	300.000.000	
6	Nguyễn Thị Minh Khai		150.000.000	
7	Hạnh Thông		165.000.000	
8	Trần Văn Ôn	242.000.000	180.000.000	
9	Trần Quang Khải		82.500.000	
10	Phạm Ngũ Lão		225.000.000	
11	Nguyễn Thượng Hiền		257.500.000	
12	Võ Thị Sáu		388.000.000	
13	Lê Thị Hồng Gấm		111.000.000	
14	GDCB Hy Vọng		60.000.000	
KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ				
1	Quang Trung	271.500.000	315.000.000	
2	Trường Sơn	9.000.000	178.600.000	
3	Thông Tây Hội	200.000.000	280.000.000	
4	Nguyễn Văn Trỗi		94.500.000	
5	Nguyễn Văn Nghi		170.000.000	
6	Huỳnh Văn Nghệ	200.000.000	295.000.000	
7	Gò Vấp	105.000.000	341.000.000	
CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU THẦU				
1	P.GDDT		23.000.000	